

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – LÂM ĐỒNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàn Kiếm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Bá Ky
- Bà Trần Thị Ngọc Linh

Thư ký phiên tòa: Ông Hán Tấn Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa, Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 124/2025/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2025, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐ-HPT ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1979; CCCD: 060079001167, cấp ngày 08/4/2021; Địa chỉ: Thôn S, xã P, tỉnh Lâm Đồng; có mặt

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1981; CMND: 260894422, cấp ngày 09/8/1997; Địa chỉ: Thôn S, xã P, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H (sau đây gọi là ông H) trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Tuyết N (sau đây gọi là bà N) tự nguyện tìm hiểu đi đến kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 26/11/2001 tại Ủy ban nhân dân T2 (cũ), nay là Ủy ban nhân dân xã T2.

Trong thời gian lấy nhau từ năm 2001 đến năm 2008, cuộc sống vợ chồng đầm

âm hạnh phúc. Ông đi biển lo kinh tế gia đình, còn vợ lo chuyện gia đình và chăm sóc con cái ăn học. Nhưng đến năm 2009, thì bà N sanh tâm cờ bạc, từ năm 2009 đến năm 2022 bà N đã thiếu nợ 4 lần số tiền là 800 triệu. Cũng vì con cái và hạnh phúc gia đình mà ông sẵn sàng tha thứ, bỏ qua cho bà N nên ông đứng ra để trả nợ cho bà N. Nhưng tánh nào tật đó, mặc dù gia đình và ông khuyên răn rất nhiều lần. Đến năm 2023 cũng vì cờ bạc mà bà N thiếu nợ tiếp và đã đi trốn nợ, lần này ông không còn khả năng để trả.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà N.

Về con chung: Ông và bà N có 04 người con chung tên Trần Ngọc T, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2001; Nguyễn Ngọc Quỳnh N1, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2006; Nguyễn Ngọc Toàn T1, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2011 và Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2020, anh T và chị N1 đã trưởng thành, các cháu T1 và A đang sinh sống với ông. Ông yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu T1 và A cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà N không có mặt ở địa phương và không rõ thời điểm trở về nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Ngọc H được ly hôn bà Nguyễn Thị Tuyết N; về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Ngọc Toàn T1 và Nguyễn Ngọc Quỳnh A cho ông Nguyễn Ngọc H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Ông Nguyễn Ngọc H không yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết N cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nghĩa vụ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà N; ông yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Nguyễn Ngọc Toàn T1 và Nguyễn Ngọc Quỳnh A cho

đến khi đủ 18 tuổi, ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Đây là vụ kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà N có nơi đăng ký thường trú tại xã P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Do bà N không có mặt ở địa phương và không rõ thời điểm trở về nên Tòa án tiến hành lập biên bản và niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt bà theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: Ông H và bà N xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại giấy chứng nhận kết hôn số 165 ngày 26 tháng 11 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T2 (cũ) nay là Ủy ban nhân dân xã T2 nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

4. Về yêu cầu khởi kiện của ông H:

4.1. Về hôn nhân: Ông H yêu cầu được ly hôn bà N vì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà N cờ bạc, từ năm 2009 đến năm 2022 bà N đã thiếu nợ 4 lần số tiền là 800 triệu. Cũng vì con cái và hạnh phúc gia đình mà ông sẵn sàng tha thứ, bỏ qua cho bà N nên ông đứng ra để trả nợ cho bà N. Nhưng tánh nào tật đó, mặc dù gia đình và ông khuyên răn rất nhiều lần. Đến năm 2023 cũng vì cờ bạc mà bà N thiếu nợ tiếp và đã đi trốn nợ, lần này ông không còn khả năng để trả. Lời trình bày của ông H phù hợp với nội dung Tòa án xác minh tại địa phương nơi ông bà sinh sống và người thân của ông bà, điều đó thể hiện bà N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà N.

4.2. Về con chung: Ông H và bà N có 04 người con chung tên Trần Ngọc T, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2001; Nguyễn Ngọc Quỳnh N1, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2006; Nguyễn Ngọc Toàn T1, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2011 và Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2020, anh T và chị N1 đã trưởng thành, các cháu T1 và A đang sinh sống với ông H. Ông H yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu T1 và A cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với tình hình thực tế và nguyện vọng của các cháu T1 và A nên chấp nhận; ông H không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4.3. Về tài sản và nghĩa vụ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

6. Về án phí: Ông H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nên không hoàn lại cho ông tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của ông Nguyễn Ngọc H đối với bà Nguyễn Thị Tuyết N; Ông Nguyễn Ngọc H được ly hôn bà Nguyễn Thị Tuyết N; Giấy chứng nhận kết hôn số 165 ngày 26 tháng 11 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T2 (cũ) nay là Ủy ban nhân dân xã T2, không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Tuyết N có 04 người con chung tên Trần Ngọc T, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2001; Nguyễn Ngọc Quỳnh N1, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2006; Nguyễn Ngọc Toàn T1, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2011 và Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2020, anh T và chị N1 đã trưởng thành, các cháu T1 và A đang sinh sống với ông Nguyễn Ngọc H.

Giao cho ông Nguyễn Ngọc H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Nguyễn Ngọc Toàn T1 và Nguyễn Ngọc Quỳnh A cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Ngọc H không yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết N cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi do các bên tự thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc các nhân, tổ chức theo quy định pháp luật tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông Nguyễn Ngọc H đã tạm nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0007514, ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực A - Lâm Đồng nên không hoàn lại cho ông Nguyễn Ngọc H số tiền này.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 18/8/2025); Bị đơn bà

Nguyễn Thị Tuyết N vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS ND (Tỉnh + KV14);
- Tòa án ND tỉnh LĐ;
- Các đương sự;
- Phòng THA KV 14;
- UBND xã Phan Rí Cửa;
- Lưu HS.

Hồ Hoàn Kiếm